

Bản án số: 40/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 21-9-2020

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

2. Ông Nguyễn Đình Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2020/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Bùi Thị Y**, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ 7 (tổ 16 cũ), phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Ông **Đặng Thiên T**, sinh năm 1965; Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ liên hệ: Tổ 7 (tổ 16 cũ), phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Bùi Thị Y là nguyên đơn trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Đặng Thiên T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn, không tổ chức lễ cưới. Sau khi về chung sống, giữa bà và ông T nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách khác nhau, bất đồng quan điểm sống, ông bà thường xuyên cãi vã do ông T không chí thú làm ăn mà phó thác hết mọi việc cho bà lo liệu, ông T thường xuyên chơi bời, cờ bạc, sống không chung thủy, hai bên bất đồng quan điểm, ông T nhiều lần đánh bà, bà có khuyên nhủ nhưng ông T không thay đổi tính cách. Hai bên

phát sinh mâu thuẫn, mặc dù sống chung một nhà nhưng tình cảm không còn, cuộc sống hiện nay không hạnh phúc, phần ai nấy sống. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Đặng Thiên T.

*Về con chung:* Bà và ông T có 02 (hai) con chung: Đặng Thị Thu K, sinh ngày 12/10/1989 và Đặng Thị Kim A, sinh ngày 30/4/1996 đều đã thành niên, có sức khỏe nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung:* Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số 1157, tờ bản đồ số 20, diện tích 704,1m<sup>2</sup> tại Thôn K, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 040035, sổ vào sổ cấp GCN CH05835 ngày 23/12/2011 nhưng ngày 19/6/2020 bà đã có đơn rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung như nêu trên, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

*Về nợ chung:* Bà và ông T không có nợ chung.

*\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/5/2020, bản tự khai đề ngày 15/7/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Đặng Thiên T trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Ông và bà Bùi Thị Y chung sống với nhau từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn, không tổ chức lễ cưới. Việc chung sống là do ông bà tự nguyện, không ai ép buộc. Cuộc sống đôi bên có lúc cãi vã nhưng không nghiêm trọng, có lúc mâu thuẫn ông chỉ có tát và la bà Y nhưng không đánh đập, chửi bới xúc phạm gì. Mặc dù còn yêu thương bà Y nhưng nay bà Y vẫn cương quyết ly hôn thì ông đồng ý.

*Về con chung:* Ông, bà có 02 con chung như bà Y trình bày là đúng, các con đều đã thành niên, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung:* Ông không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

*Về nợ chung:* Ông và bà Y không có nợ chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý, về quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách những người tham gia tố tụng, về thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đều đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, 53, 54 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Y, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Thị Y và ông Đặng Thiên T. Về con chung đều đã thành niên nên không xem xét. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của bà Bùi Thị Y với ông Đặng Thiên T đối với thửa đất số 1157, tờ bản đồ số 20, diện tích 704,1m<sup>2</sup> tại Thôn K, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi đã được UBND huyện Tư Nghĩa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 040035, sổ vào sổ cấp GCN CH05835 ngày 23/12/2011. Về nợ chung các bên đương sự trình bày không có nên không giải quyết. Bà Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[ 1 ] **Về tố tụng:** Bà Bùi Thị Y có đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn ông Đặng Thiên T, có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ nơi ở: Tổ 7 (tổ 16 cũ), phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Ly hôn” là đúng thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[ 2 ] **Về nội dung:**

[2.1 ] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Bùi Thị Y và ông Đặng Thiên T đều thừa nhận ông bà chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1989 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết, sự kiện được các bên đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh. Quá trình chung sống, cuộc sống hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn nên bà Y có đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Đặng Thiên T. Ông T trình bày nếu bà Y cương quyết ly hôn ông đồng ý. Xét, bà Y và ông T chung sống với nhau từ năm 1989 (sau ngày 03/01/1987 nhưng trước ngày 01/01/2001) và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội nên ông T, bà Y có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn 02 năm kể từ ngày 01/01/2001 đến ngày 01/01/2003 theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nhưng đến nay ông bà vẫn không đăng ký kết hôn. Vì vậy, căn cứ điểm b Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội, khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 54 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y, không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Bùi Thị Y và ông Đặng Thiên T, quan hệ vợ chồng của ông bà không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[2.2] *Về con chung:* Bà Y, ông T đều trình bày có 02 (hai) con chung là chị Đặng Thị Thu K, sinh ngày 12/10/1989 và chị Đặng Thị Kim A, sinh ngày 30/4/1996 đều có sức khỏe, đã thành niên và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung:* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Bùi Thị Y rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số 1157, tờ bản đồ số 20, diện tích 704,1m<sup>2</sup> tại Thôn K, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi đã được UBND huyện Tư Nghĩa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 040035, sổ vào sổ cấp GCN CH05835 ngày 23/12/2011. Xét việc nguyên đơn rút phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của nguyên

đơn, sau này các bên có tranh chấp về chia tài sản chung được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[2.4] Về nợ chung: Bà Y, ông T trình bày không có nợ chung nên không giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4 ] Về án phí: Căn cứ khoản điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bà Bùi Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp. Hoàn trả cho bà Bùi Thị Y số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung.

Vì những lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, 218, 235, 266, 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điểm b Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội;

Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 54 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Y, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Thị Y và ông Đặng Thiên T.

2/ Con chung là Đặng Thị Thu K, sinh ngày 12/10/1989 và Đặng Thị Kim A, sinh ngày 30/4/1996 đều đã thành niên nên không xem xét, giải quyết.

3/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của bà Bùi Thị Y đối với ông Đặng Thiên T, nếu sau này các bên có tranh chấp về chia tài sản chung được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

4/ Bà Bùi Thị Y, ông Đặng Thiên T trình bày không có nợ chung nên không giải quyết.

5/ Bà Bùi Thị Y phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 5.300.000 đồng (*Năm triệu ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2018/0003438 ngày 20-4-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, hoàn trả lại cho bà Y 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

6/ Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;  
- VKSND TP Quảng Ngãi;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS T.P Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- UBND phường Quảng Phú;
- Lưu hồ sơ, lưu án卷.

**Hoàng Thị Mai Hạnh**

